

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**  
Bản án số: 07/2021/KDTM-PT  
Ngày: 29-6-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài  
sản và hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

*Các Thẩm phán:*

Bà Trương Tố Hương.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-KDTM ngày 11/01/2021, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2020/KDTM-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT ngày 03/02/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lý Thị Hồng P (Chủ Doanh nghiệp tư nhân TS), địa chỉ nơi đăng ký thường trú: số BT/BS TĐ, phường AC, quận N, thành phố Cần Thơ; địa chỉ nơi ở hiện nay: Đường M Tháng N, Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Phạm N, địa chỉ: ấp X2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Là người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn theo văn bản uỷ quyền ngày 02/01/2020 (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Huỳnh Quốc K, địa chỉ: số HBN, khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị Trúc T, địa chỉ: số HBN, khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Hồng D, địa chỉ: số HBN, khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Lê Thị M, địa chỉ: số HBN, khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Quốc K, ông Huỳnh Hồng D, bà Lê Thị M:* Ông Nguyễn Văn U, địa chỉ nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: số HMB, ấp H, thị trấn P, huyện T, Sóc Trăng; Là người đại diện uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 29/12/2020 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lý Quang V, địa chỉ: khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lý Thị Hồng P, là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/11/2019 của nguyên đơn và trình bày của bà Phạm N trong quá trình giải quyết vụ án:*

Doanh nghiệp tư nhân TS (sau đây viết là DNTN TS), do bà Lý Thị Hồng P làm chủ, có bán thuốc trừ sâu, lúa giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Huỳnh V (do ông Huỳnh Hồng D làm chủ) từ năm 2004 đến năm 2018. Đại diện cho Cửa hàng Huỳnh V giao dịch với DNTN TS là anh Huỳnh Quốc K và ông Huỳnh Hồng D. Chị Nguyễn Thị Trúc T là vợ anh K, anh K là con ông D, bà M. Anh K, chị T, ông D và bà M cùng sống chung nhà.

Qua nhiều lần giao dịch thì Cửa hàng Huỳnh V còn nợ tiền mua hàng của DNTN TS. Đến ngày 01/8/2018 thì hai bên chấm dứt mua bán và anh K đại diện Cửa hàng xác nhận còn nợ DNTN TS tổng cộng 987.531.420 đồng, trong đó vốn gốc là 925.407.000 đồng và nợ lãi từ ngày 30/3/2018 đến ngày 30/7/2018 là 62.124.420 đồng. Hai bên thống nhất trả lãi với lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 01/8/2018 và thỏa thuận miệng sẽ trả hết nợ trong thời hạn từ 10 ngày đến 01 tháng sau.

Bà Lý Thị Hồng P cho rằng việc mua bán diễn ra từ năm 2004 đến năm 2018 và trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2009 thì ông Huỳnh Hồng D là Chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp Huỳnh V; đồng thời, anh K và ông D là người đại diện Cửa hàng mua vật tư của DNTN TS về kinh doanh nên bà P yêu cầu anh K, chị T, ông D, bà M có trách nhiệm liên đới trả cho DNTN TS số tiền 925.407.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận từ ngày 30/3/2018.

Ngoài ra, vào ngày 19/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 12/7/2017), anh K có vay của DNTN TS 77.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng để kinh doanh, chi tiêu

trong gia đình và thỏa thuận sẽ trả lại chị P trong thời hạn một năm, còn tiền lãi thì 2-3 tháng trả một lần; nhưng anh K chỉ trả lãi đến ngày 19/01/2018 thì ngưng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị P đồng ý trừ lại số tiền lãi anh K đã đóng cho chị P vượt mức lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 12/7/2017 đến ngày 19/01/2018, đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 20/01/2018 theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

*Theo trình bày của anh Huỳnh Quốc K trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm:*

Chữ ký tên trong 02 tờ biên nhận lập ngày 19/6/2017 và ngày 01/8/2018 do bà Lý Thị Hồng P cung cấp là của anh Huỳnh Quốc K. Anh K thừa nhận còn nợ bà P 925.407.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp và 77.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 1.002.407.000 đồng. Khoản tiền nợ mua vật tư nông nghiệp thì do anh K mua của DNTN TS để kinh doanh lại cho các hộ nông dân, anh K kinh doanh riêng không có làm chung với cha mẹ của anh là Cửa hàng vật tư nông nghiệp Huỳnh V; còn khoản tiền vay thì anh K chi tiêu cá nhân nên không liên quan đến ông D, bà M, chị T.

Anh K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P vì cho rằng đã thanh toán hết nợ. Trường hợp Tòa án buộc anh K trả nợ thì đề nghị tính lại tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2020/KDTM-ST ngày 25/11/2020, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Hồng P - chủ doanh nghiệp tư nhân TS về việc yêu cầu anh Huỳnh Quốc K, chị Nguyễn Thị Trúc T trả nợ vay và nợ mua bán.

Buộc anh Huỳnh Quốc K, chị Nguyễn Thị Trúc T thanh toán cho bà Lý Thị Hồng P – chủ doanh nghiệp tư nhân TS vốn gốc là 1.002.407.000 đồng (Một tỷ không trăm lẻ hai triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng) và tiền lãi là 482.368.592 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng), tổng cộng là 1.484.775.592 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà P yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh K, chị T còn phải trả lãi cho chị P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Hồng P – chủ doanh nghiệp tư nhân TS về việc yêu cầu ông Huỳnh Hồng D và bà Lê Thị M trả nợ vay và nợ mua bán.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Huỳnh Quốc K, chị Nguyễn Thị Trúc T phải liên đới chịu án phí là 56.543.267 đồng (Năm mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Bà Lý Thị Hồng P – chủ doanh nghiệp tư nhân TS phải chịu án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.700.000 đồng theo biên lai thu số 0002869 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Lý Thị Hồng P – chủ doanh nghiệp tư nhân TS số tiền tạm ứng án phí còn thừa 25.400.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).”

Ngoài ra, án sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 10/12/2020, bà Phạm N có đơn kháng cáo một phần bản án trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng buộc ông Huỳnh Hồng D, bà Lê Thị M có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.484.775.592 đồng cùng ông Huỳnh Quốc K, bà Nguyễn Thị Trúc T và sửa phần án phí sơ thẩm do bà Lý Thị Hồng P không có nghĩa vụ chịu đối với phần yêu cầu về trách nhiệm liên đới không được Tòa án chấp nhận.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút lại đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo phù hợp quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Bà Nguyễn Thị Trúc T, ông Lý Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lý Thị Hồng P (Chủ DNTN TS) và bị đơn Huỳnh Quốc K thống nhất anh K còn nợ bà P 925.407.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp theo biên nhận ngày 01/8/2018 và 77.000.000 đồng tiền vay theo biên nhận 19/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 12/7/2017), tổng cộng là 1.002.407.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng 02 biên nhận nêu trên được anh K ký, ghi họ trên trong Sổ theo dõi do DNTN TS lập. Theo Sổ này thì hai bên mua bán, vay tiền và trả tiền nhiều lần; bắt đầu từ ngày 30/4/2009, đến ngày 01/8/2018 thì kết thúc. Trong toàn bộ thời gian này, anh K là người trực tiếp, duy nhất mua vật tư, vay tiền và trả tiền cho DNTN TS; còn ông Huỳnh Hồng D, bà Lê Thị M không tham gia giao dịch nào.

[5] Đồng thời, theo đơn kháng cáo ghi ngày 08/12/2020 và trình bày của phía nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm thì ông D, bà M không giao dịch hoặc ký nhận khoản nợ nào với DNTN TS. Đại diện của bà P và anh K cũng xác định anh K có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và ông D, bà M không ủy quyền cho anh K giao dịch với DNTN TS. Nên không đủ cơ sở cho rằng các khoản nợ theo biên nhận ngày 01/8/2018 và biên nhận 19/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 12/7/2017) được phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ kinh doanh Huỳnh Hồng D (do ông Huỳnh Hồng D làm chủ) theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Vì vậy, án sơ thẩm không buộc ông D, bà M liên đới với anh K trả nợ cho bà P có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa, phía bà P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận phần kháng cáo này của bà P.

[6] Đối với kháng cáo liên quan đến án phí, theo đơn khởi kiện thì bà P yêu cầu anh K, chị T, ông D và bà M có trách nhiệm liên đới trả nợ và tiền lãi phát sinh. Án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà P và buộc vợ chồng anh K, chị T trả khoản tiền này, mà không buộc vợ chồng ông D, bà M liên đới trả nợ cho bà P.

[7] Theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án dân sự sơ thẩm thì “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận” nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà P phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với phần yêu cầu về dân sự không được chấp nhận nêu trên là phù hợp. Do đó, nội dung kháng cáo này của bà P cũng không có cơ sở chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Do kháng cáo của bà Lý Thị Hồng P không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị Hồng P.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2020/KDTM-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Hồng P - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TS về việc yêu cầu anh Huỳnh Quốc K, chị Nguyễn Thị Trúc T trả nợ vay và nợ mua bán.

Buộc anh Huỳnh Quốc K, chị Nguyễn Thị Trúc T thanh toán cho bà Lý Thị Hồng P - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TS vốn gốc là 1.002.407.000 đồng (Một tỷ không trăm lẻ hai triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng) và tiền lãi là 482.368.592 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng), tổng cộng là 1.484.775.592 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà P yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh K, chị T còn phải trả lãi cho chị P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Hồng P - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TS về việc yêu cầu ông Huỳnh Hồng D và bà Lê Thị M trả nợ vay và nợ mua bán.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Huỳnh Quốc K, chị Nguyễn Thị Trúc T phải liên đới chịu án phí là 56.543.267 đồng (Năm mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Bà Lý Thị Hồng P - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TS phải chịu án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.700.000 đồng theo biên lai thu số 0002869 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Lý Thị Hồng P - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TS số tiền tạm ứng án phí còn thừa 25.400.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị Hồng P - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TS phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí do bà Phạm N đại diện nộp theo hai biên lai thu số 0007593 ngày 23/12/2020 và số 0007604 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng; trả lại bà Lý Thị Hồng P - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TS số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 1.700.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vĩnh Khương**